

Bài 107. Kinh Tăng Chi | Chương Bốn pháp | Phẩm Chiến Sĩ (tt) | Sư Giác Nguyên giảng 15/08/2018

Có một buổi chiều Đức Phật đi đến chỗ ở của các du sĩ, thì họ đang ngồi bàn tán với nhau trong đề tài: “Cái gì gọi là chân lý trong đạo Bà-la-môn?” Họ đang bàn về nội dung giáo lý của Bà-la-môn, cùng xác định với nhau điều nào được xem là chân lý không thể thay đổi.

Khi Đức Phật đến, Ngài mới hỏi:

“Các vị đang nói chuyện gì với nhau ở đây?”

Thì họ mới kể lại cho Ngài nghe. Ngài mới nói rằng:

“Ở trong Bà-la-môn thì nói như vậy, nhưng trong kinh Ngài thì nói: đây là bốn điều đáng xem là chân lý trong Phật pháp, và cũng là những điều mà người tin Phật rất nên lưu tâm, vì đó là tinh hoa Phật pháp.

1. Không nên gây hại cho bất cứ chúng sinh nào.
2. Tất cả mọi sự có mặt ở đời đều luôn vô thường.
3. Tất cả mọi dục lạc, khoái lạc trên đời đều vô thường.
4. Không có gì trên đời này đáng được gọi là ta hay của ta.”

Như vậy, kinh này rất đáng được đưa vào thời khóa công phu mỗi ngày nếu ta thích tụng kinh. Từ đó không có cơ sở cho ý niệm phân biệt hơn, bằng, thua, vì mọi danh xưng ở đời đều hư ảo; kể cả những danh xưng thiêng liêng nhất như Sa-môn, Bà-la-môn cũng chỉ là những khái niệm.

Bước 1: Kẻ phàm phu chỉ thấy thích, ghét, buồn, vui.

Bước 2: Kẻ phàm phu có học đạo chỉ quan tâm đến thiện, ác.

Bước 3: Kẻ học đạo khi hành đạo rốt ráo, hành giả Tứ niệm xứ, chỉ còn quan tâm, chú ý đến khía cạnh sinh diệt của thân tâm.

Sẵn ở đây tôi nói luôn, hình như Ngài Mogok hay Ngài Sulun của Miến Điện có nói một câu rất là quan trọng. Ngài nói khi mà mình không biết đạo thì không có gì để bàn rồi, sống u mê thì khỏi nói rồi. Nếu mà mình biết đạo rồi mà mình sống nhiều với cảnh tục đế thì cái trí nó bị mòn hao đã đành rồi, mà nó còn kéo dài thêm sanh tử. Bởi vì khi mình sống nhiều với tục đế, sống càng nhiều với những khái niệm của thế gian thì mình chỉ kéo dài cái đường luân hồi thôi.

Còn cái khái niệm chân đế là sao? Ngay chữ chân đế mà còn có những khái niệm thì nghe nó kỳ, nhưng mà đúng. Buổi đầu mình phải biết chân đế qua những khái niệm, qua những concept, nhưng mà dần dần mình sẽ thấy nó qua cái bản chất. Trong tất cả mọi sự ở đời, suy cho cùng chỉ có bốn điều kể trên đáng để ta lưu tâm từng phút. Được vậy thì sống an lạc, chết thanh thản.

Nó có một điều rất đặc biệt là một loạt kinh mà mình đang học đây nè, là một loạt kinh có nội dung khuyến tấn rất là sâu và bao hàm trọn vẹn Phật pháp. Đây là điều rất là lạ mà tôi ngờ rằng chắc có lẽ vị kiết tập sư cố ý làm cho một loạt như vậy. Một loạt kinh mà người hữu duyên thăm cái chỗ này rồi là sẽ có chuyển đổi lớn, sẽ tự chuyển hóa được bản thân, chuyển hóa được đời sống, rồi từ đó mới có những đóng góp và mới có những chuyển hóa cho thế giới.

Chưa hết, nay mai chúng ta còn học bài kinh lợi ích của kẻ chuyên tâm trau dồi giáo lý. Có nghĩa là đầu cho mình không phải là hành giả nhưng mình thường xuyên, chuyên tâm về giáo lý, được những điều lợi sau đây. Cái này tôi nói trước cho vui thôi. Khi mà mình mạng chung mà thất niệm thì những vị có thần thông như chư tăng, hay chư thiên, hay là một loài phi nhân nào đó, họ sẽ hỗ trợ hộ niệm cho mình. Cái này nghe rất là mê tín nhưng nó là sự thật.

Tôi rất có niềm tin về người sống tốt, tu tốt thì khi họ chết, trên môi họ phảng phất một nụ cười. Tôi từng thấy một vài trường hợp như vậy. Hồi còn sống thì cũng bệnh dặt dẹo đâu cũng một, hai năm gì đó. Mà sao ngộ lắm, tới lúc cuối đời, khoảng tầm một, hai giờ đồng hồ trước khi mất thì nó hồng hào, nó tươi đẹp, mà chết rồi trên môi nó phảng phất nụ cười. Thì dĩ nhiên là tôi dứt khoát không có nói là người đó vãng sanh. Nhưng mà qua những gì được biết về Phật pháp là lúc này cái người này họ phải thấy cái gì đó, họ được sự hỗ trợ của thiện nghiệp quá khứ hay là của một nhân vật nào đó mà mình không có biết được. Tại vì nếu mà thấy là người đó thấy, chứ không phải là mình thấy. Nhớ cái vụ này nha.

Thí dụ như kể cả những thú tướng hay nghiệp tướng, người đó thấy lại cái quãng đời qua khi mình là thầy giáo, hay mình là người buôn bán, hay mình là người nông phu. Thì những cái thấy đó chỉ có đương sự họ biết thôi. Hoặc là họ thấy lại cảnh tu hành, làm phước, học đạo hay tu thiền gì đó.

Nhưng mà tôi có một niềm tin: nếu mình thường sống mà để tâm tư nó chìm sâu ở trong Phật pháp, mà hôm nay trong bài kinh này Đức Thế Tôn nói rõ luôn. Chìm sâu là chìm trong cái gì? Thì Ngài nói rõ là bốn sự thật mà mình nên sống ở trong đó.

1. Đó là không nên gây tổn hại cho ai bằng thân, bằng khẩu hay bằng suy nghĩ.
2. Mọi dục lạc, dục cảm, khoái lạc ở đời luôn luôn là vô ngã, vô thường.
3. Mọi sự có mặt ở đời này đều là mong manh, hư ảo, phù du.
4. Trên đời không có gì đáng để mình gọi là tôi, của tôi.

Liên tục, thường xuyên, thường trực sống trong tâm niệm này là sống thanh thản, chết cũng bình yên. Sẵn tiện thì tôi nói tới nay mai mình học bài kinh: Lợi ích của người chuyên tâm trau dồi giáo lý, thường xuyên học đạo, thường xuyên sống đạo sẽ dễ dàng nhận được sự hỗ trợ từ nhiều phía.

Một câu ngạn ngữ của Phi Châu: “Mặt trời sẽ rọi lên người đứng trước rồi mới đến kẻ quỳ.” Bởi vì người đứng thì nó cao hơn một chút. Thì sự gia trì của những bậc hiền

thánh, loài phi nhân khuất mày khuất mặt cũng y chang như vậy. Chuyện đầu tiên là họ hộ trì cho ai? Là họ hộ trì cho những người có tâm tu hành trước, rồi sau đó những kẻ khổ không có tu họ tính sau. Nhưng họ sẽ ưu tiên trong vũ trụ chính là những người có tâm tu hành.

Cho nên nhớ câu này: “Mặt trời sẽ rọi lên người đứng trước rồi mới đến kẻ quỳ.” Còn người sau cùng là người nằm, nhưng mà không có, trong danh ngôn không có nói. Nghĩa là mình phải ở một tầm cao nào đó, trong một điều kiện nào đó, thì mình là người đầu tiên hay là người sau cùng nhận được sự hỗ trợ từ người khác.

Tôi còn nhớ một câu nữa của Tây đó là: “Trời chỉ cứu kẻ nào biết tự cứu.” Nghĩa là anh phải dọn đất sẵn rồi trời mới mưa xuống, đại khái như vậy. Anh phải tự cứu trước, chứ mà anh nằm phè ra anh ngủ như heo thì trời nào mà giúp anh. Anh phải có nỗ lực trước, phải có một nền tảng, một căn cơ.

Thế nào đó thì các bậc thánh hiền, những hàng khuất mày khuất mặt họ mới hỗ trợ, giúp đỡ cho anh.

Như vậy là mình đã học xong bài kinh 185.

Con đường sai lạc

Gồm một loạt câu vấn đáp giữa Thế Tôn và một vị Tỷ-kheo.

1. Cái gì dẫn đạo, dẫn đầu thế giới?

Phật dạy đó chính là tâm thức. Lòng người quyết định tất cả.

2. Thế nào là một người học nhiều?

Nghĩa là nếu mà mình tin thông Phật pháp và hành trì rốt ráo thì cái đó nói làm chi. Phật dạy rằng dù chỉ học thuộc một câu kệ ngắn, nhưng mà hiểu nghĩa và hành trì rốt ráo thì cũng đáng gọi là người học nhiều trong giáo pháp của Ngài.

Ví dụ như Ngài nói: Ai sống cả trăm năm mà hiểu được pháp sanh diệt, hơn kẻ sống một ngày mà không hiểu pháp sanh diệt.

Câu này nếu mà nói rõ ráo thì mình phải nói rằng nó là toàn bộ Phật pháp. Pháp sanh diệt là gì? Tất cả các thiện, ác, buồn, vui, danh lợi, thị phi, người này, cõi nọ... Tất cả những cái gì mà mình có thể liên tưởng, tưởng tượng, hình dung; những gì mình thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng, tất cả đều là vô thường.

Từng giây phút đi, đứng, nằm, ngồi, biết rõ rằng thân đang vô thường. Từng giây phút tâm thiện, tâm ác, tâm buồn, tâm vui, biết là tâm đang vô thường. Đây vô thường thì người chung quanh cũng vô thường. Mọi người vô thường thì coi như thế giới cũng vô thường, và vô lượng vũ trụ thủy cũng đều vô thường.

3. Thế nào là trí chứng ngộ?

Ai tu hành cũng mong chứng cái này, cái kia, nhưng họ không biết chứng là chứng cái gì. Cái câu trót lưỡi đầu môi của những người đi chùa là mong cho được thành thánh, mong cho chứng cái này, đắc cái nọ. Nhưng mà hỏi họ thêm câu nữa là đắc cái gì vậy thì họ không trả lời được. Tại vì họ không có biết cái khi gì đâu. Cứ nghe nói như vẹt rồi bắt chước, chứ có biết chứng là chứng cái gì?

Phật dạy rằng trí chứng ngộ ở đây là sự nhận thức rằng mọi sự là khổ, mọi đam mê đều là trong khổ và là gốc khổ. Hết tham thích thì hết khổ. Sống trong ba nhận thức đó là con đường thoát khổ. Nói gọn lại là trí chứng ngộ bốn đế. Phải nói như vậy đó, chứ nói chứng ngộ là chứng cái gì? Thành thánh là thành sao? Ở đây Ngài nói thành thánh đơn giản chỉ là thấy rõ bốn đế thôi.

Một, thấy rõ mọi thứ ở đời là khổ.

Hai, tham, thích, ghét, sợ cái gì cũng là trong khổ.

Ba, hễ còn tham, thích trong khổ là tiếp tục tạo ra khổ. Hễ còn có tham thích thì còn có ghét sợ. Hễ còn có ghét sợ là tự nó sẽ đi tìm tới cái chỗ nó tham thích. Nóng quá

nên khổ mới nghĩ tới cái mát. Mà mát quá thì thích, mà cái thích nó lại là nguồn của khổ. Nó cứ vòng vòng, vòng tròn vậy đó.

Cái khổ để nó gồm cả cái mình thích và cái mình ghét. Mình ghét mà mình gặp cái mình ghét thì mình đi kiếm cái mình thích. Mà hễ mình đi kiếm cái mình thích có nghĩa là mình đang kín đáo đầu tư cái mình ghét, bởi vì cái thích và ghét nó là một cặp.

Khi mà anh thích cái này thì tôi biết là anh sẽ ghét một cái khác, nó đối lập lại, nó đi ngược lại cái anh thích. Anh khỏi nói tự nhiên tôi cũng biết nữa.

Ví dụ như anh thích mát mẻ là tôi biết anh ghét nóng nực, tôi biết chắc luôn. Tôi thấy anh thích cái sạch sẽ là tôi biết rằng anh sẽ ghét cái dơ bẩn. Tôi thấy anh thích ánh sáng, thích sáng sủa là tôi biết anh rất ghét cái gì mà tăm tối, mù mịt. Cái chuyện đương nhiên nó như vậy.

Cho nên đó là cái trí ngộ, là trí thấy được bốn đế.

4. Thế nào là bậc đại hiền, đại trí?

Phật dạy đó là người có tam nghiệp lợi mình, lợi người, lợi toàn thế giới. Định nghĩa rất là gọn và vô cùng dễ hiểu. Nghĩa là làm, nói, nghĩ đều đem lại lợi ích cho thế giới, đó chính là bậc đại hiền.

Cái bài kinh này thấy gồm bốn câu vấn và đáp, nhưng mà tôi phải nói: Kinh này cũng đáng đem tụng đọc mỗi ngày. Tôi phải nói là kinh nào cũng đáng để tụng đọc hết, nhưng mà khổ như vậy. Kinh nào thu gọn nội dung giáo lý thì nên được tụng đọc, bởi có nhiều kinh chỉ nhấn mạnh một vấn đề nào đó mà thôi.

Nên nhớ trong kinh có hai kiểu pháp thoại:

Một, chiết báng: nghĩa là nội dung chỉ nhằm vào một vài vấn đề giáo lý. Ví dụ: Ngài nói về hạnh tri túc, về pháp nhẫn nại, đó gọi là chiết báng.

Hai, hàm tận: nội dung bao trùm toàn bộ giáo lý. Chẳng hạn như hai bài kinh mình vừa học liên tục này giờ thì gọi là nội dung kinh hàm tận.

Vassakāra

Nội dung đơn giản là: Phật dạy rằng một người có trí tuệ và đức hạnh, sappurisa, chân nhân, mới có thể biết ai là chân nhân hay không. Kẻ không phải là bậc trí tuệ, đức hạnh thì không thể biết được người khác một cách chính xác.

Mình được ăn học, được giáo dục đàng hoàng, cả đời mình không có móc túi ai hết, mình chưa từng làm cái chuyện trộm cắp, nhưng bao cái trò ma mãnh của thằng móc túi các vị vẫn có thể hình dung ra được. Nghĩa là khi quý vị là người tốt, chỉ cần nếu muốn thì thế giới của người xấu quý vị vẫn có thể nghĩ ra.

Nhưng ngược lại, một cái thằng trời ơi, ít học, thiếu đạo đức, dù nó đầu thai mười lăm kiếp nó cũng không thể nào hình dung được cái thế giới tâm linh của cái người học thức và đức hạnh.

Người đàng hoàng có thể hiểu được đường đi nước bước của kẻ xấu, nhưng kẻ xấu thì không thể hiểu được cảnh giới của người đàng hoàng. Như họ không thể hình dung ra được ai đó đứng trước một túi tiền lớn lại có thể không tham mà đem nộp cảnh sát, nước ngoài. Còn trong nước, lượm mà đem giao cho cảnh sát là banh xác nha.

Các vị biết không, ở bên Âu Mỹ chuyện đó rất bình thường. Cách đây chỉ mới có một tuần lễ thôi, có ông đó ổng mua nhà, mà ổng phát hiện ra trong nhà ổng có một số lượng vàng bạc, ngọc ngà, kim cương rất là lớn. Ổng mới đi báo cho cảnh sát thì cảnh sát mới nói là có hai cách giải quyết: Một là ổng chia 50/50 cho cái người chủ cũ ngôi nhà đó. Hai là ổng và cảnh sát cùng nhau chờ đợi xem ai là người chứng minh được mình là chủ nhân của số tài sản đó để mà trả lại cho người ta.

Các vị thấy đất nước ấy coi có đã không? Mà ở Âu Mỹ có nhiều lắm những tình trạng đó. Nghĩa là khi người ta lượm được, họ đưa cho cảnh sát, thì có những quốc gia họ có những cái luật đưa là sung công, có giấy tờ đăng hoàng, nghĩa là cái tài sản đó sung công cho nhà nước. Còn có nhiều đất nước là chia 50/50, nghĩa là cái người giao cái đó thì sẽ được nhận một nửa sau khi trải qua bao nhiêu thời gian không tìm được người chủ. Hoặc người nào nói là chủ nhưng họ không có chứng minh được thì coi như họ vẫn phải...

Nhưng mà một đất nước như vậy là một đất nước có quá nhiều người lành. Nhưng mà đừng nói họ lành, họ không có móc túi, họ không có biết mình. Nếu mà mình là kẻ gian thì có thể mình gạt họ được một lần, nhưng mà lần sau họ dòm cái lỗ mũi của mình là họ biết, nhìn cái mũi của mình là họ biết mình nghĩ cái gì.

Ông Abraham Lincoln, tổng thống của Mỹ và là ân nhân của người Mỹ đen, giải phóng dân tộc, có nói thế này: “Ta có thể lừa gạt vài người suốt đời, nhưng không thể lừa gạt mọi người suốt đời.” Bởi vì mọi người chính là thiên hạ, mà thiên hạ thì không ai cũng là hiền khờ để cho mình gạt.

Câu chuyện vua Eleyya và đạo sĩ Uddaka Ramaputta

Bài kinh khá dài, nhưng nội dung phần sau chỉ là kể lại câu chuyện của một ông vua thông tuệ bị mấy người tào lao tưởng lầm là ngu xuẩn. Vua Eleyya là ông vua đạo đức và thông minh. Ông này là đệ tử ruột của đạo sĩ Uddaka Ramaputta, người thầy đã dạy thiền vô sắc cho Bồ Tát Tất Đạt chứng tăng thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng trước khi Ngài bỏ đi và tu tập một mình.

Kinh còn nhắc đến những vị hiền thần của vua Eleyya. Cả nhóm bị không ít người dè bieu và xem là mê tín, thiếu trí khi có cái thái độ tôn kính đặc biệt đối với đạo sĩ Uddaka Ramaputta.

Người thầy đầu tiên là đạo sĩ Alara Kalama dạy Ngài đắc đến tầng Vô Sở Hữu Xứ, tức thiền vô sắc thứ ba. Sau đó Bồ Tát bỏ đi, tìm đến học đạo với Uddaka Ramaputta

vừa nói trên.

Về sau, khi Phật sắp viên tịch, trên đường về Kusinara thì Ngài có gặp một ông thương gia tên là Pukkusa cúng dường Ngài và Ngài Ananda cặp y dắt tiền. Ông thương gia này là đệ tử ruột của đạo sĩ Alara Kalama.

Ông thương gia này chỉ cần nhìn thấy cái đạo phong của Ngài Ananda, đẹp quá đi. Ổng tới, ổng nghe pháp hoan hỷ lắm, thì ổng mới kể:

“Con là đệ tử của đạo sĩ Alara Kalama. Thầy của con lạ lắm, đặc biệt lắm. Những lần mà thầy nhập định là tiếng động gì thầy cũng không có nghe, mặc dù thầy đang thức. Có lần năm trăm chiếc xe bò đi ngang mà thầy hoàn toàn không hay biết gì hết. Ai cũng thấy từ xa bụi cát bay mù mịt trời hết. Năm trăm chiếc xe bò kéo đi rần rần, rần rần, mà sư phụ ngồi thiền bên bờ suối, không hề hay biết, mặc dù lúc đó sư phụ đang tỉnh thức.”

Thì Đức Phật mới kể rằng:

“Như Lai cũng đã từng trải qua kinh nghiệm giống như vậy. Có lần đó, Như Lai ngồi ở ngoài cái chòi lá giữa đồng, mà trời mưa sấm chớp, kinh thiên động địa, sét đánh chết bốn con bò và hai người anh em của người nông dân. Mà lúc đó Như Lai ngồi ở trong cái chòi lá, hoàn toàn không nghe thấy gì hết. Lát sau Như Lai mới biết. Lúc đó Như Lai rất là tỉnh thức, không có ngủ.”

Ổng nghe như vậy, ổng hoan hỷ quá: ổng giống với sư phụ, thậm chí còn ghê hơn sư phụ nữa. Thì ổng mới cúng cho Đức Phật một cặp y, là hai bộ. Đức Phật cũng nói hãy cúng cho Ngài Ananda một bộ, bởi vì cúng Phật và cũng cúng Tăng thì công đức nó mới viên mãn.

Khi tập trung vô Ngài thì cái tâm ổng bị bó vô Ngài, nhưng mà nếu cúng cho Ngài Ananda... mà nói như vậy thôi, chứ ổng nhìn Ngài Ananda là ổng đã mê rồi. Thì ổng cúng cho Ngài Ananda, thì Ngài Ananda mới lấy cả hai bộ đắp lên người của Đức

Phật. Khi mà đắp lên như vậy thì màu da của Đức Thế Tôn từ màu da người chuyển sang cái màu vàng ròng, màu vàng mà thợ người ta nấu chảy ra đó. Nó vàng rực, nó chiếu ngời như vậy.

Thì Ngài Ananda mới thấy lạ. Ngài Ananda mới bạch Thế Tôn:

“Con theo hầu Ngài mấy chục năm, con chưa từng thấy trường hợp này, chưa từng thấy trường hợp da người mà chói rực như vàng vậy đó.”

Thì Phật dạy Ngài Ananda:

“Trong đời Như Lai có hai lần mà màu da Như Lai có màu sắc đặc biệt như vậy. Đó là cái đêm Như Lai sắp thành đạo và đêm Như Lai sắp Niết-bàn.”

Ngài vừa nghe như vậy xong thì càng bội phần đau đớn, vì chuyện đó Ngài đã cố quên mấy ngày nay rồi. Ngài cố quên, bởi vì Ngài biết rõ từng ngày Ngài đang countdown, đếm ngược thời gian mà. Bởi vì hôm rằm tháng Giêng, Phật nói ba tháng nữa Phật tịch, thế là Ngài cứ đếm ngược, đếm ngược, đếm ngược. Đến hôm nay, khi mà nghe Phật nhắc lại chuyện đó nữa thì Ngài biết rồi, xong, hết rồi, còn gì nữa mà trông đợi, hết rồi. Thời gian ba tháng mà Phật hứa coi như mỗi lúc càng cận kề, cận kề.

Hai vị thầy của Bồ Tát Tất Đạt

Tôi kể cho bà con nghe cái câu chuyện của ông Alara Kalama để nhắc về cái ông này là một trong hai ông thầy đã dạy thiền cho Bồ Tát Tất Đạt.

Trong room này, nếu không giải thích rõ, bà con sẽ thấy một chút hoang mang là: “Ừa, trước khi Ngài thành Phật thì Ngài cũng có thầy, như vậy đâu có gọi là Vô Sư Tự Chứng được.”

Nhưng Ngài là Vô Sư Tự Chứng, bởi vì hai vị thầy đó chỉ hướng dẫn Ngài đi hết con đường Định học. Họ hoàn toàn mù tịt về Tuệ học, nên họ vẫn còn phạm, và vì thiếu

Tuệ học nên Định học của họ vẫn chưa viên mãn.

Bồ Tát sau khi chia tay, từ biệt hai vị thầy, đã bỏ đi khổ hạnh suốt thời gian còn lại. Sau đó, khi nhận ra khổ hạnh không phải chánh đạo, Ngài ăn trở lại, và đêm đó Ngài tự phục hồi các tầng thiền định mà mình đã cố tình bỏ qua. Trên nền tảng của thiền định này, Ngài quán chiếu lý Duyên Khởi và chứng ngộ Bốn Đế, trở thành vị Phật Tổ.

Như vậy, kinh này chỉ nhắc có một chút xiu xiu về đạo sĩ Uddaka Ramaputta, nhưng mà tôi đã kể cho các vị nghe bao nhiêu cái điều liên quan về cái ông này.

Khi mà Ngài thành đạo rồi thì Ngài suy nghĩ: “Đạo ta, đạo khi mà ta chứng đắc, quá là cao sâu vi diệu, đi ngược dòng đời. Ai cũng đam mê thích thú này nọ, mà ai cũng ôm giữ, chấp chặt. Bây giờ ta kêu họ đừng thích nữa, họ đừng chấp nữa, kêu họ buông hết, thì có ai nghe được hay không?”

Khi mà Ngài có cái lòng như vậy thì Phạm Thiên mới xuống thỉnh Ngài đi hoằng pháp. Phạm Thiên nói:

“Xin Thế Tôn đừng có nghĩ như vậy, bởi vì có vô số người có thể hiểu được lời Thế Tôn.”

Thì Đức Thế Tôn Ngài mới nhận lời thuyết pháp. Và khi Phạm Thiên đi mất thì hai cái người đầu tiên mà Ngài nghĩ đến đó là hai ông thầy. Ngài biết hai ông thầy này là những người ly dục, chỉ sống trong thiền định, họ như hai cái viên ngọc.

Ngay cái lúc mà Ngài nghĩ đến họ thì chư thiên báo cho Ngài biết là họ đã viên tịch rồi. Một người đã viên tịch được một tuần, còn một vị thì mới viên tịch.

Mà tôi kể tới đây có lẽ bà con lại hoang mang nữa. Bà con sẽ nghĩ: “Ủa, sao Phật cái gì cũng biết, mà tại sao người ta phải tới báo làm cái gì?”

Thì trả lời như thế này: Ngài biết là chuyện của Ngài, còn báo là chuyện chư thiên họ vẫn báo. Bởi vì họ theo dõi Ngài, họ thương quý Ngài, thì khi Ngài nghĩ cái chuyện gì đó, thì họ nghĩ họ có trách nhiệm.

Thưa với Ngài, chứ không phải là không có họ thì Ngài không biết.

Ví dụ như mình thấy ông nội của mình bước ra dỡ cái nắp lu, mà trong lu hết nước. Bộ ông nội không có thấy hay sao? Nhưng mà mình là đứa cháu, mình lễ phép thì mình cũng nói:

“Dạ, nước hết trong lu rồi nội, để lát con đi xách nước thêm. Nãy con tính xách mà con quên.”

Thì mình vẫn cứ phải nói một câu, mặc dù nước hết rồi, ông nội ông mở cái nắp lu ông thấy chứ đâu phải không thấy. Nhưng mà mình thương nội, mình kính nội, mình lễ phép, không lẽ mình đứng kể bên mà mình trơ mắt ếch, mà mình đực cái mặt mình ra mình nhìn hay sao? Không. Ai trong hoàn cảnh đó cũng nói giống nhau hết.

Kinh Upaka

Ông này tên là Upaka Mandikaputta. Kinh này là cái kinh rưng rờ, bởi vì nếu bà con chỉ đọc chánh kinh là bà con không có hiểu gì hết trơn.

Ông Upaka là đệ tử ruột, upatthambhaka, của Devadatta. Ông rất bất mãn khi nghe Phật tiên đoán rằng Devadatta bị đọa địa ngục suốt một tiểu kiếp, không ai có thể cứu được, atekiccho. Ông Upaka cho rằng Phật trù rửa sư phụ của ông, nên ông đến nói với Ngài câu nói mà ta thấy trong chánh kinh:

“Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Gijjhakūṭa. Rồi Upaka Mandikāputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Upaka Mandikāputta bạch Thế Tôn:

‘Bạch Thế Tôn, con nói như sau, con thấy như sau: Ai bắt đầu mắng nhiếc người khác và tiếp tục như vậy, người ấy về mọi phương diện không thể bênh vực lập trường của mình. Do không thể bênh vực lập trường của mình, người ấy đáng bị quả trách, đáng bị phạm tội.’”

Đây là ngôn ngữ người xưa, còn bây giờ mình nói theo ngôn ngữ của mình là:

“Ai mà chửi rửa người ta là bản thân người đó cũng không ra gì.”

Ngài đã trả lời như sau:

“Ta có nói gì đi nữa thì đó cũng chỉ là một trong vô số cách nói có nội dung dạy người hành thiện lánh ác. Ta không hề có việc nguyên rửa ai cả.”

Bà con đọc cái chánh kinh bà con mới thấy, tôi làm lại rất là gọn vô cùng.

Và Ngài có nhắc nhở ông ta một câu:

“Ta không có nguyên rửa ai nhưng chính người lại đang xúc phạm Như Lai.”

Ông về, ông đã kể lại cho sếp của ông là vua A Xà Thế. Thì trong kinh có nói là ông vua A Xà Thế nói rằng:

“Từ đây về sau là trăm không có muốn thấy mặt người nữa. Người ngu quá. Hết người hay sao mà người đến người xúc phạm Thế Tôn?”

Bởi vì các vị biết rằng, kể từ khi vua Bình Sa Vương chết rồi thì ông A Xà Thế trở thành một Phật tử ngoan đạo và ông xem Thế Tôn là toàn bộ vũ trụ của ông. Sau khi mà có người báo tin cho ông là Phật tịch rồi thì ông bất tỉnh tại chỗ, ông sốc đến mức như vậy.

Nói vậy là quý vị biết, cha mình, mẹ mình, vợ mình, con mình chết mình có bị bất tỉnh như vậy hay không? Nó hiểm lắm. Mà đằng này là vua nghe Đức Thế Tôn viên

tịch rồi là vua xiu. Vua xiu xong, vua vừa tỉnh dậy là vua chợt nhớ tới cái chuyện đó, vua xiu ba lần như vậy.

Vua cử một đoàn hùng binh rầm rộ tiến về Kusināra để mà cung thỉnh xá lợi của Thế Tôn. Nếu mà lần đó không có sự khéo léo dàn xếp về ngoại giao, về chính trị, là dễ nổ ra máu chảy thành sông chứ không phải không. Ông thượng Phật kinh thiên động địa. Cho nên khi mà thấy cái ông này về kể cho ông nghe là đã xảy ra cái cuộc nói chuyện như vậy, ông vua ông nổi điên lên. Ông nói:

“Trẫm không muốn thấy mặt người nữa. Người ngu quá đi. Trời ơi, hết người rồi hay sao mà ông lại xúc phạm đến Thế Tôn?”

Kinh Chứng Ngộ

Kinh này có nội dung như sau:

Một, Phật dạy có pháp phải được chứng ngộ bằng thân, ở đây ám chỉ Bát giải thoát.

Chứng ngộ bằng thân là bằng nāmakāya, ở đây ám chỉ cho các tầng tâm thức từ Dục giới đến Vô sắc giới. Nội dung của Bát giải thoát là sự vượt qua các giới hạn tâm thức.

Bát giải thoát là:

Hạng thứ nhất, hành giả quán chiếu nội thân, lấy bốn đại: đất, nước, lửa, gió, và bốn màu trong thân làm đề mục chứng thiền.

Hành giả hữu duyên chỉ cần chạm cái tay vào người là thấy nóng. Hành giả biết đây là lửa và chỉ chú ý tới: lửa, lửa, lửa. Chỉ chú ý ba lần đắc thiền đề mục lửa, dễ sợ chưa.

Hành giả chỉ cần cắn hai cái hàm răng mình lại, niệm: đất, đất, đất, bởi vì cứng, mềm, đắc thiền đề mục đất. Kinh khủng chưa. Chứ không phải chuẩn bị đề mục một gang tay, hai ngón rồi chú niệm vào nó, rồi nào là sơ tướng, niếp tướng... Ba cái đó là

mấy cái người chậm, chứ còn mấy cái người lẹ họ chỉ cần cắn hai hàm răng. Bởi vì răng là biểu hiện của đất, chứ trong hàm răng có đủ bốn đại. Nhưng đang nói về đề mục đất thì họ chỉ lấy cái cứng mềm của hàm răng, họ niệm: đất, đất, là họ đặc đề mục đất.

Mà họ đặc cái đó họ làm cái gì? Khi họ nhìn mặt nước, họ chỉ suy nghĩ thôi: “Thành đất đi”, là lập tức mặt nước đó thành đất cho họ đi. Mà đề mục họ tu chỉ là hai hàm răng cắn vào nhau. Hoặc là họ lấy hai bàn tay họ vỗ vào bất cứ chỗ nào trong người. Họ vỗ vào, họ thấy cứng mềm, họ niệm: đất, đất, đất, họ cũng đặc nữa. Khiếp như vậy đó quý vị.

Hoặc họ nhìn cái màu đỏ của máu, cái màu trắng của răng, họ vẫn có thể đặc thiền được. Xanh, vàng, đỏ, trắng, nhớ nha.

Cho nên cái hạng đầu tiên là lấy bốn đại hay bốn màu ở trong thân của mình để mà làm đề mục.

Cho nên những người tôi thấy không đánh răng, tôi nghĩ biết đâu họ cũng cố ý để cho răng họ nhiều màu để cho họ dễ tu thiền. Chứ mà còn đánh răng kỹ quá thì răng nó chỉ còn cái màu trắng thôi. Cái đó nói đùa, chứ làm ơn đánh răng dùm cho em nhờ.

Hạng thứ hai, hành giả lấy bốn đại và bốn màu bên ngoài thân mình để làm đề mục tu thiền. Cái loại này thông thường thì dễ hiểu rồi.

Hạng thứ ba, tu tập bốn đề mục Phạm trú: từ, bi, hỷ, xả, để đặc đến tầng thiền thứ tư.

Từ hạng số bốn đến số bảy là bốn tầng thiền Vô sắc. Và tôi đã nói không biết bao nhiêu ngàn lần, thiền Vô sắc là cái gì?

Thiền Vô sắc là đa phần chúng sanh trong đời đều đam mê trong năm dục vật chất: nhìn, nghe, ngửi, nếm, sờ. Lâu lâu mới có một người biết nhàm chán năm món này và tu tập thiền định, đặc được các tầng thiền Sắc giới. Về trên đó có lâu đài, hoa viên, hồ nước, và mỗi vị có thân tướng kỳ vĩ, hào quang.

Rồi lại cũng có người nhầm chán tầng thiền Sắc giới này. Họ chán luôn tất cả những gì thuộc về vật chất, nên sau khi đắc thiền Sắc giới, họ lấy đó làm nền tảng để tu tầng thiền Vô sắc.

Xin đọc thêm cuốn A Tỳ Đàm quyển 1 của tôi. Đây là lý do vì đâu tôi chọn dịch rồi in là nhầm...

đến cái chuyện xây dựng nền tảng căn bản giáo lý cho bà con Phật tử. Không phải ngẫu nhiên tôi thích cái gì thì dịch cái đó, mà vì tôi đã lựa lọc.

Chẳng hạn như cuốn A Tỳ Đàm 1 có được là từ một cái lớp giáo lý ở Thụy Sĩ. Tức là tôi vừa dịch cho người ta chép, và giảng, và cứ như vậy. Khi mà cái bản đó hoàn tất thì mình có ngay một cái bản thảo, và sau đó đem đi in để mà cho bà con có một cái cầm tay.

Hạng thứ tám là: diệt thọ tướng định. Nghĩa là một vị Tam quả hay Tứ quả La Hán, sau khi mà đắc đạo, muốn nghỉ ngơi tĩnh dưỡng tuyệt đối, là chỉ cần vị đó đã chứng được tầng thiền phi tưởng phi phi tưởng cộng Tam hoặc Tứ quả.

Sau khi chọn chỗ thích hợp, tự xét tuổi thọ của mình còn được bao lâu. Khi mà thấy còn nhiều hơn thời gian mình nhập định thì vị này mới ngồi xuống nhập vào tầng thiền phi tưởng phi phi tưởng, rồi xuất định và chú nguyện: kể từ bây giờ trở đi, trong thời gian đã định, ta sẽ không còn tâm thức.

Chú nguyện vậy rồi nhập thiền trở lại. Khi mà tâm xuất khỏi phi tưởng phi phi tưởng, thì từ đó trong thời gian một giờ, hai giờ, cho đến bảy ngày, vị này giống như xác chết, hoàn toàn không còn tâm thức nữa. Đó là diệt thọ tướng định.

Đây là cách tĩnh dưỡng cao cấp nhất của các bậc đại thánh như Phật và các vị La Hán có thiền định.

Có pháp phải được chứng ngộ bằng niệm

Có pháp phải chứng ngộ bằng niệm, đó chính là khả năng tức mạng mình, trí nhớ tiền kiếp. Chú giải ghi rằng: một người muốn có tức mạng mình thì sau khi chứng ngũ thiền, vị ấy dùng sức nhớ của mình ôn lại chuyện xảy ra từ ngày hôm qua, tuần rồi, tháng trước, năm ngoái, năm năm trước, hai mươi năm trước, rồi đến cả lúc còn trong nôi, trong bụng mẹ, từ đó nhớ sang kiếp khác.

Tùy vào công đức tu hành nhiều hay ít mà cái sức nhớ của người đắc tức mạng mình xa được bao nhiêu.

Trong kinh nói: Phật Độc Giác nhớ được hai a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp. Hai vị thượng thủ thịnh văn là Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên là nhớ được một a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp. Các vị đại thịnh văn mà có biệt hạnh như Ngài Ca Diếp, A Nan là nhớ được một trăm ngàn đại kiếp.

Từ Độc Giác trở xuống, thời gian tu ba-la-mật bao nhiêu thì cũng nhớ được bấy nhiêu. Riêng chư Phật Toàn Giác thì thời gian tu hành tối thiểu là gấp mười lần Độc Giác, nhưng khả năng tức mạng mình thì vô hạn.

Lý do đơn giản là: khi còn là Bồ Tát thì các Ngài đã tu hành với một tâm thể vô hạn, vô lượng. Không thiện nào không làm, không tiếc, không sợ bất cứ cái gì, một khi đã quyết tâm hành thiện lánh ác.

Ví dụ như một khi đã có lòng cứu người, thì có phải tan xương nát thịt thì vẫn ung dung mỉm cười bước vào chỗ chết, nhường đất sống cho người khác. Đó là Bồ Tát Chánh Đẳng Chánh Giác. Và khi có lòng cầu pháp thì Bồ Tát Chánh Đẳng Giác sẵn sàng bỏ mạng chỉ để nghe một câu đạo mà thôi.

Chẳng hạn như trong kinh nói: bốn câu hỏi này, tức là Ngài sẵn sàng trao ngai vàng, hoàng hậu, hoàng tử, công chúa cho người ta. Bản thân mình sẵn sàng đi theo làm nô lệ, làm đầy tớ, hoặc là làm món ăn cho người ta, miễn là nghe được bốn cái điều đó thôi:

1. Không nên làm tổn thương chúng sanh nào.
2. Mọi dục lạc ở đời đều vô thường.
3. Mọi hiện hữu ở đời đều vô thường.
4. Không có điều gì trên đời này đáng được gọi là tôi hay của tôi.

Trong kinh nói, chỉ vì bốn sự thật đó mà Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni nhiều kiếp không có kể gì tới ngai vàng, hoàng hậu, công chúa, hoàng tử, kể cả cái mạng của Ngài. Vì cái người thử Ngài là vua trời Đế Thích, biết Ngài có lòng cầu pháp.

Đế Thích không có giỏi gì hết, nhưng vì Đế Thích sống lâu, nghe pháp nhiều, nghe được từ những vị thiên tử, hoặc Đế Thích từng gặp được những vị Phật trước đó. Nên Bồ Tát lúc đó Ngài làm thân nhân loại nên Ngài đâu có nhớ.

Cho nên lúc đó Bồ Tát thiết tha: Ta không tin rằng thế giới này nó chỉ quần quanh cứ ăn, ngủ, khóc, cười rồi lăn đùng ra chết. Ta không tin rằng thế giới này nó u mê mà nó hạn hẹp như vậy. Ước gì mà có ai nói cho ta nghe được cái gì mà đáng để nghe thì ta không có tiếc cái ngai vàng.

Lúc đó Đế Thích từ Đạo Lợi cung hiện xuống, hóa thành một Dạ Xoa, gọi là xanh nanh, đỏ mỏ, mặt thỏ, mỏ dơi, mà mình mẩy, mặt mày thấy ớn luôn, ba đầu sáu tay mười hai con mắt.

Thì Đế Thích mới nói rằng: cái ngai vàng của Ngài ta đâu có màng. Ngài có ngon lành thì Ngài đổi hoàng hậu, công chúa, hoàng tử... Nhưng thôi bây giờ tôi đổi ý rồi, bây giờ tôi khoái Ngài thôi, bây giờ tôi ăn thịt Ngài nó mới phê.

Thì Bồ Tát nói:

Không được, người ăn thịt ta thì ta lấy gì ta nghe đạo?

Thì Dạ Xoa nói:

Yên tâm, tôi nói cho Ngài nghe trước rồi tôi mới ăn thịt Ngài sau.

Bồ Tát nói:

Được, người nhớ giữ lời là được.

Thì trong kinh nói ông Đế Thích chỉ nói được có hai điều thôi. Điều một là ông nói thân người phù du, nay còn, mai mất. Điều thứ hai ông nói là năm dục nó đắng, chứ không phải nói ngọt như mình nghĩ đâu, do mình hiểu lầm mà thôi. Ông chỉ nói được có hai điều đó trong bốn điều mà mình mới học hồi này.

Bồ Tát vừa nghe xong là Bồ Tát lao từ trên núi thẳng xuống. Lúc đó Đế Thích mới hoảng mình, chụp Bồ Tát lại. Đế Thích mới chấp tay:

Con lạy bố, con không ngờ mà bố chỉ vì chánh đạo mà bố bán mạng kiểu này, thì con xin chúc bố trở thành vị Chánh Đẳng Chánh Giác như là bố nguyện.

Mà không phải một lần, vô số lần như vậy quý vị à.

Cho nên cái thời gian tu tập thì gấp mười lần Phật Độc Giác. Nhưng cái sức biết, sức nhớ của Chánh Đẳng Chánh Giác thì vô lượng, vô hạn, vô biên, là bởi vì Ngài đã vượt qua khỏi cái hạn chế của thời gian.

Tuy Ngài tu trong mấy chục a-tăng-kỳ, nhưng Ngài đã tu bằng cái tâm thể vô lượng. Nghĩa là khó cỡ nào, đau đớn cỡ nào, tài sản lớn cỡ nào, Ngài cũng bỏ hết. Chỉ vì Chánh Đạo thôi, chỉ vì cái lý tưởng thành Phật để độ sinh thôi.

Cho nên cái túc mạng mình là sức nhớ. Mà trong kinh nói mình muốn nguyện cái hạnh nào đặc biệt là mình phải trau dồi cái hạnh đó. Nghĩa là mình nguyện cái hạnh thiên nhân là mình phải nhớ hai điều: làm phước gì mà liên hệ tới con mắt, làm phước gì mà nó liên hệ tới ánh sáng.

Tức là có tiền ủng hộ người nghèo mổ mắt, mổ cườm, mổ thay thế, hiến tạng võng mạc. Còn không nữa là cúng dường đèn cây, dầu thắp cho chùa miếu.

Còn mình muốn nguyện cái hạnh đệ nhất vô bệnh thì coi như mình luôn luôn làm cái gì ủng hộ sức khỏe, tánh mạng cho người khác. Chẳng hạn như thuốc men, thực phẩm.

Còn mình muốn nguyện cái hạnh tài lộc như

Ngài Sīvali thì không phải nguyện suông rồi về trùm mền ngủ, đến khi Phật ra đời cái mình nhào ra, mình là đệ nhất tài lộc. Không phải. Mà là trong nhiều đời kiếp, cứ thấy trong tay có cái gì là liệng ra làm phước. Cái bàn tay của Ngài Sīvali là không có cầm được cái gì quá ba giây hết. Cứ đang đi mà thấy trong tay có cái gì vậy ta, là bắt đầu giơ lên: ai cần là cho. Cứ cầm được một chút thôi là cứ dòm dòm chung quanh coi ai cần là cho.

Tất cả động tác Ngài Sīvali đều rành hết, chỉ riêng có động tác cầm nắm là Ngài đã lâu rồi, Ngài phát nguyện đệ nhất tài lộc dưới chân Phật trước thì Ngài đã quên hẳn cái động tác cầm nắm.

Còn chúng ta thì sao? Chúng ta coi như cái động tác nào cũng thuần thục, chỉ riêng cái động tác trao ra là chúng ta đã quên từ lâu lắm. Cho nên có cái ông triệu phú kia tôi kể: ông kẹo banh xác. Có bữa kia ông bị chết đuối. Thấy ông ngớp ngớp thì nhân viên cứu hộ mới ra nói:

“Đưa tay đây.”

Thì ông nghe chữ “đưa”, ông không chịu, ông rút tay lại. Thì nhân viên cứu hộ đó mới hiểu, mới nói:

“Nè, cầm nè.”

Thì lúc đó ông mới cầm tay của nhân viên cứu hộ, và thế là ông sống.

Tùy cái kiểu sống của mình mà mình thuần thục trong cái động tác sinh hoạt nào. Coi như Ngài Sīvali từ lúc phát nguyện là đệ nhất tài lộc, là động tác cầm nắm, ôm siết,

ghì chặt, là Ngài quên sạch. Cả đời chỉ biết đi dang tay và xòe tay suốt một trăm ngàn đại kiếp như vậy. Còn mình thì cứ suốt ngày chỉ biết nắm tay và ôm ghì siết chặt.

Cho nên quý vị biết không? Trời đất thì bao la, mà bàn tay ta khi nắm lại, ta chỉ nắm được một ít. Khi ta ôm, ta chỉ ôm được một ít. Khi ta xòe tay ra, khi ta dang rộng vòng tay, thì cái chúng ta có nó nhiều hơn bao nhiêu lần, thưa quý vị. Đó là một đạo lý rất là căn bản, rất là sơ đẳng, rất là tiểu học.

Cho nên nguyện cái gì thì anh cũng phải tu hành với những kiểu sinh hoạt tương ứng. Anh muốn nguyện là đệ nhất Túc Mạng Minh thì anh phải liên tục và thường xuyên, thường trực, anh trau dồi trí nhớ. Trí nhớ là không để mình quên trước quên sau, tìm đủ cách.

Chúng ta có mười tám cách để luyện trí nhớ. Ví dụ: ghi chép, làm dấu. Ngày nay chúng ta có iPhone, iPad, hoặc vạch đường. Hoặc người xưa người ta có sợi dây, người ta thắt làm năm cái dấu thắt, hoặc năm việc phải làm. Rồi họ lên trên rầy họ làm. Rồi tới việc đi thăm bầy, bắc nồi cơm, đi thăm cây cối đủ nước chưa, rồi bóc cái phone ra gọi cho bà xã đem cơm ra. Ví dụ như vậy thôi, thì tổng cộng là họ giải quyết được năm cái thắt.

Thì tôi kể như vậy cho bà con biết là khi mà mình muốn có Túc Mạng Minh là mình phải trau dồi trí nhớ, đời sống không thất niệm.

Cho nên có những pháp mà mình phải chứng nghiệm bằng niệm là vậy. Niệm ở đây là sức nhớ.

Có pháp phải được chứng ngộ bằng mắt.

Mắt ở đây chính là Thiên Nhân Minh, cũng là Sanh Tử Minh. Cutūpapātañāṇa, tức là Sanh Tử Trí, là trí nhớ rõ do nghiệp thiện ác nào mà ta khổ vui ra sao, ở đời kia kiếp nọ. Túc Mạng Minh là trí nhớ về quả luân hồi: ta sanh ở đâu, kiếp nào, loài gì, ra sao,

khổ sướng thế nào. Sanh Tử Minh là biết được về nhân luân hồi, biết vì đâu ta bị hay được cái gì đó trong các kiếp luân hồi.

Mắt ở đây không phải là con mắt thịt của mình đâu, mà con mắt ở đây là con mắt trí tuệ. Ở đây điều bốn và năm đều là trí tuệ, chỉ khác tên gọi. Đây cũng là lý do vì sao có lúc Sanh Tử Minh được gọi là Thiên Nhân Minh.

Có pháp phải được chứng ngộ bằng trí tuệ: trí tuệ ở đây là thánh trí, không phải phàm trí.

Như vậy trong bốn điều chứng ngộ trên đây đã nhắc đủ Tam Minh: điều một là nói về Bát Giải Thoát; điều hai, ba là nói về Tam Minh; điều bốn là Lậu Tận Minh.

Trong sự chứng ngộ ta phải luôn cần đến sự hỗ trợ của cái gì? Như ở đây là định, niệm, tuệ. Dĩ nhiên bên cạnh đó còn là nhiều sự hỗ trợ khác. Hôm nay ta còn là phàm nhân, ta phải từng ngày trau dồi tất cả các pháp tu để mai này có cái hỗ trợ cho mình, có cái để mình sử dụng lúc tu chứng.

Nghĩa là trong cái đường tu chứng, ngay cái giây phút chứng đạo, chúng ta phải có sự hỗ trợ của niệm, định, tuệ... Nhưng vấn đề là ở đâu nó ra để mà nó hỗ trợ?

Ví dụ, bây giờ mình nhắm mắt lại, mình chỉ nghe một cuộc đối thoại của đám nhà giàu:

“Anh tính sao chứ cái này chắc phải đi trực thăng quá anh ơi. Mình đi bằng trực thăng thì mình khám phá được một số góc cạnh nữa. Còn cái vụ kia thì mai mình đi thuyền đi. Còn một dút khoát phải đi mô tô rồi. Còn bữa kia thì phải đi cái loại xe địa hình mà có thể đi trên đồi cát được đó...”

Thì mình nghe mình thấy ham lắm. Mình tưởng, về mình nói với bà xã mình:

“Anh thấy đi chơi như vậy mới vui đó. Lúc đi thuyền, lúc đi xe địa hình vượt cát, hồi mình ngồi bằng trực thăng...”

Thì bà xã mình mới nói nhỏ:

“Trời đất ơi, xe đạp của mình tới bây giờ anh còn chưa có thay cái lốp, mà anh lấy cái gì mà đòi trực thăng, du thuyền, rồi xe địa hình...”

Các vị có hiểu không?

Mà hồi sáng mình nhắm mắt mình nghe cái đám nhà giàu nó nói chuyện đã quá đi. Nhưng mà thật ra tại sao nó mở miệng ra nó nói chuyện nào là du thuyền, nào là trực thăng, nào là xe cộ tùm lum là sao? Là tại vì nó có nên nó mới nhắc tới.

Còn mình cũng vậy, giới không giữ, định không có tu, tuệ không có dồi mài, thì lấy cái giống gì mà mai một cái này hỗ trợ cho cái kia?

Trong kinh nói chỉ một cái phiền não nhẹ hều thôi là nó quánh cho mình banh xác. Đó là hôn trầm. Chỉ riêng cái chuyện buồn ngủ thôi, chỉ bắt cái giò vô là nó buồn ngủ, ăn no là nó buồn ngủ, cứ gió hiu hiu là nó buồn ngủ, cứ có một chút xiu bóng tối là nó buồn ngủ. Chỉ riêng cái khoản buồn ngủ là khỏi có đặc cái gì hết trơn. Chứ đừng có nói ba cái mà tham, sân, si làm gì cho nó ghê gớm.

Trong khi người ta đạo hạnh sâu dày, ba-la-mật ngon lành, tinh tươm, chỉnh chu, thì coi như tất cả phiền não chỉ là những vị khách không mời mà đến. Không có trà nước thì tự động nó cuốn, tự nó đi.

Giống như Bồ-tát Tất Đạt, Ngài kể lại câu chuyện kinh nghiệm tu chứng của Ngài trong khổ hạnh lâm, mình nghe mình thấy đã lắm. Lúc đó Ngài không có biết gì hết mà tự nhiên trong rừng suy nghĩ như một vị thánh: toàn bộ tâm tư của ta gói gọn trong tư tưởng là tà tư duy và chánh tư duy. Thôi thì kể từ hôm nay, chung quanh ta không có thầy bạn thì ta tự làm bạn với mình. Khi nào ta thấy tà tư duy thì ta nhận diện nó để nó tự nó đi. Khi nào ta nhận diện đó là chánh tư duy thì đương nhiên nó còn nằm lại đó. Ngài tự suy diễn như vậy.

Kinh Song Tâm, Trung Bộ.

Thấy người ta tu mình thấy ham, nhưng mà ở đâu mà nó lòi ra mấy cái khả năng đó? Mấy chục a-tăng-kỳ chứ không phải tự nhiên khơi khơi trên trời rớt xuống một hoàng tử Tất Đạt Đa mà thông minh, đỉnh ngộ như thế đâu.

Tức là vì công đức tu hành mà Ngài đã đổ máu như sông, mà thân của Ngài chất thành núi. Tức là cái số da, số thịt mà Ngài hy sinh cho đời nhiều vô kể.

Ngài đã bao nhiêu lần gánh cái hàm oan cho người khác để mình bị bầm vằm và người khác được bình yên. Biết bao nhiêu lần Ngài phải chịu đựng bao nhiêu là thị phi. Biết bao nhiêu lần Ngài phải nhịn đói để cho người khác được no. Biết bao nhiêu lần Ngài phải chịu lạnh để cho người khác được ấm. Biết bao nhiêu lần Ngài phải chịu cái dằn xóc để cho người khác được ấm êm. Biết bao nhiêu lần, thừa quý vị...

Còn mình thì sao? Cứ thấy khó là vọt, thấy dễ là nhào tới. Ở đâu thấy ngon là thấy mình, động dao động thốt là mình mò tới, mà nghe nói rửa chén là bắt đầu xách xép vọt trước. Đi đánh trận thì đi sau cùng, mà khi rút trận là đi đằng trước. Cái đó là cái kiểu tu của mình.

Ngày Trai Giới

Hội chúng này rất đáng để thiên hạ cơm đùm cháo nắm, vượt ngàn dặm đến để chiêm ngưỡng lễ bái. Vì sao vậy? Vì trong hạng chúng ấy có đủ bốn hạng Tỷ-kheo khả kính:

Một, Tỷ-kheo sống kiểu chư thiên: là những vị tu và chứng đắc thiên định bằng các đề mục ngoài ra bốn phạm trú.

Hai, Tỷ-kheo sống kiểu Phạm thiên: là những vị tu và đắc thiên bằng đề mục Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Ba, là các Tỷ-kheo đạt được bất động, không bị vật chất tác động vì đã chứng thiên vô sắc.

Bốn, có Tỷ-kheo đã là thánh nhân, chứng ngộ bốn đế, dự vào dòng thánh thấp nhất cũng là sơ quả, chỉ còn tái sanh bảy lần nữa thôi.

Coi như là một hội chúng chói lòa, một hội chúng mà thiên hạ đi ngang phải lấy tay che mắt. Một cái hội chúng mà người thời nay đi ngang phải mang kiếng mát. Vì cái đạo hạnh nó rực rỡ như một rừng đèn ngàn vôn, ngàn watt. Mà tất cả cả nhân thiên đi ngang phải mang kiếng mát hết vì nó quá chói.

Còn cái hội chúng của mình thì sao? Ai đi ngang là phải rọi đèn, cầm đuốc mới thấy đường mà đi, nó tối quá tối, tối lây người ta luôn, tối mà can không kịp.

Và Ngài nhìn thấy hội chúng như vậy, Ngài nói:

“Này các Tỷ-kheo, đây là một hội chúng không có nhiều chuyện, không có phù phiếm, không có nói lời vô ích, không có tám. Một cái hội chúng đáng được kính lễ, cúng dường, là phước điền vô thượng cho đời.”

Độc cái này mới thấy hoan hỷ, không phải là Ngài chỉ tán thán các Tỷ-kheo mà Ngài giải thích vì đâu họ đáng được kính lễ, vì đâu mà họ đáng được cúng dường.

Lý do họ đáng được cúng dường vì họ đã không còn muốn được cúng dường lễ bái nữa. Chỉ một lý do này thôi, chỉ vì họ không còn muốn cái gì nữa.

Cũng như cái đáng khoe nhất là tâm trạng không còn muốn khoe khoang nữa. Mà khi ta có cái lòng muốn khoe khoang thì có nghĩa là ta không có gì đáng để khoe.

Phật giáo nó lạ lắm, Phật pháp nó kỳ quái lắm, tức là nói toàn cái chuyện ngược đời, nhưng mà khổ thay nó là sự thật.

Bậc thánh đáng được cúng dường vì bậc thánh không còn muốn nhận nữa. Đó là cái nghịch lý thứ nhất của đạo Phật. Cái người đáng cúng dường nhất chính là cái người không còn muốn nhận nữa.

Còn cái điều thứ hai kỳ quái của đạo Phật, đó là cái mà đáng khoe nhất chính là cái tâm trạng không còn muốn khoe nữa. Nói như vậy thì làm sao mà bậc thánh còn bụng dạ nào mà khoe nữa. Cái đáng khoe nhưng không muốn khoe, mà khi họ có lòng muốn khoe thì họ còn cái gì nữa mà khoe.

Chúng ta vừa học xong một phẩm. Chúc quý vị một ngày vui.